

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	14 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã kiểm toán bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex và các Công ty con (gọi chung là nhóm Công ty).

Khái quát về Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (tên cũ là Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 4 lần Giấy đăng ký kinh doanh do thay đổi tên Công ty, trụ sở chính và Văn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4 380.000.000.000 VND
Vốn pháp định 6.000.000.000 VND

Cổ đông theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	110.915.000.000	29,2%
Tổng Công ty Sông Đà	33.525.500.000	8,82%
Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	29.691.280.000	7,8%
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	14.440.000.000	3,8%
Các cổ đông khác	191.428.220.000	50,38%
Cộng	380.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : 046.2699988
Fax : 046.2699977
E-mail : vinaconexpc@fpt.vn
Mã số thuế : 2800799804

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm theo nhiệm kỳ III (2014 – 2019)	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vương Hoàng Minh	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Minh Văn	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Tuấn Hùng	Ủy viên		26 tháng 3 năm 2014
Ông Trịnh Hữu Long	Ủy viên		26 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm theo nhiệm kỳ III (2014 – 2019)	
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	26 tháng 3 năm 2014	
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Lý Quang Thái	Thành viên		26 tháng 3 năm 2014
Nguyễn Văn Chính	Thành viên		26 tháng 3 năm 2014

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Giám đốc	22 tháng 5 năm 2004
Ông Phạm Bảo Long	Phó Giám đốc	10 tháng 7 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Vương Hoàng Minh
Giám đốc

Ngày 03 tháng 02 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trung Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 07/2015/BCTC-KTTV-TV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex, được lập ngày 03 tháng 02 năm 2015, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 26 tháng 02 năm 2014.

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VIII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào-đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 xét trên phương diện tổng thể.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức- Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-01

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-01

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.209.796.854	59.804.593.579
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.094.069.125	6.300.716.311
1. Tiền	111		5.094.069.125	1.300.716.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.845.489.479	47.616.894.661
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	55.835.627.434	42.527.817.526
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	668.786.769	438.411.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	146.300.000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.341.075.276	4.504.365.481
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.694.430.975	1.225.529.264
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.694.430.975	1.225.529.264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		575.807.275	2.661.453.343
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	-	156.467.527
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.579.001.388
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	575.807.275	925.984.428

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.160.127.091.078	1.234.713.146.806
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.124.739.458.015	1.202.467.230.860
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.124.739.458.015	1.192.956.308.204
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.427.732.016.405</i>	<i>1.425.138.328.985</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(302.992.558.390)</i>	<i>(232.182.020.781)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	-	9.510.922.656
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.268.168.069	2.600.534.998
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	14.268.168.069	2.600.534.998
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.119.464.994	29.645.380.948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	21.119.464.994	29.645.380.948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.250.336.887.932	1.294.517.740.385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		695.619.448.024	792.804.935.936
I. Nợ ngắn hạn	310		210.924.370.312	186.859.460.529
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	170.275.253.542	142.993.683.407
2. Phải trả người bán	312	V.13	4.798.092.616	4.755.687.097
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	13.302.916.494	22.365.408.622
5. Phải trả người lao động	315		6.864.801.423	12.078.115
6. Chi phí phải trả	316	V.15	6.970.182.349	8.353.792.033
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	8.165.838.471	7.745.919.990
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	547.285.417	632.891.265
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		484.695.077.712	605.945.475.407
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	484.695.077.712	605.945.475.407
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		554.717.439.908	501.712.804.449
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	554.717.439.908	501.712.804.449
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.768.193.159	27.516.261.165
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.447.047.769	11.447.047.769
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		134.502.198.980	82.749.495.515
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.250.336.887.932	1.294.517.740.385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		44,20	113,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Vương Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	355.089.460.679	296.780.849.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		355.089.460.679	296.780.849.864
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	132.298.230.151	122.496.865.457
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.791.230.528	174.283.984.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	686.115.261	1.748.387.664
7. Chi phí tài chính	22	VL4	63.505.730.777	79.265.396.622
Trong đó: chi phí lãi vay	23		54.264.652.925	68.752.410.543
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL5	24.471.260.035	19.740.393.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.500.354.977	77.026.581.555
11. Thu nhập khác	31	VL6	3.506.600	271.642.355
12. Chi phí khác	32		-	763.323
13. Lợi nhuận khác	40		3.506.600	270.879.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		135.503.861.577	77.297.460.587
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.783.729.118	330.031.593
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>128.720.132.459</u>	<u>76.967.428.994</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL7	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long



Lập ngày 03 tháng 02 năm 2015

Giám đốc

Vương Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	135.503.861.577	77.297.460.587
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	70.810.537.609	69.816.600.186
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.611.880.700	9.312.977.204
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(647.805.554)	(1.748.352.005)
- Chi phí lãi vay	06	54.264.652.925	68.752.410.543
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn tư động	08	262.543.127.257	223.431.096.515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.266.194.055)	16.038.083.418
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(468.901.711)	40.014.706
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.512.861.294)	(7.543.257.597)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.682.383.481	1.917.702.630
- Tiền lãi vay đã trả	13	(55.648.262.609)	(76.346.199.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.729.066.056)	(297.881.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.500.000	21.673.068
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.175.802.848)	(670.334.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	193.435.922.165	156.590.897.825
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.090.397.835)	(2.521.994.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.660.000.000)	(2.270.730.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	614.583.332	1.937.352.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.135.814.503)	(4.855.372.118)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

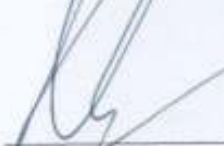
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	157.296.417.575	66.737.172.727		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(253.875.926.114)	(181.474.722.225)		
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.926.046.588)	(69.092.601.300)		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>(167.505.555.127)</u>	<u>(183.830.150.798)</u>		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.794.552.535	(32.094.625.091)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.300.716.311	38.395.341.402	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.199.721)		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>30.094.069.125</u>	<u>6.300.716.311</u>	

Người lập biểu



Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng



Phạm Bảo Long



Giám đốc

Vương Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh điện năng
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 149 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư Xây dựng cơ bản

Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.372,5VND/USD

31/12/2013 : 21.085 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các khoản phải thu.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	980.579.545	877.805.219
Tiền gửi ngân hàng	4.113.489.580	422.911.092
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	25.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>30.094.069.125</u>	<u>6.300.716.311</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mua bán điện	55.378.027.434	42.013.342.356
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	425.700.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	31.900.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	-	202.160.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại ECOCONS Hà Nội	-	312.315.170
Cộng	<u>55.835.627.434</u>	<u>42.527.817.526</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp SST Việt Nam	430.697.850	-
Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị công nghiệp	108.538.182	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển điện Thanh Xuân 68	33.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	116.896.124
Trả trước nhà cung cấp khác	96.550.737	121.515.530
Cộng	<u>668.786.769</u>	<u>438.411.654</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	3.819.324.323
Phụ cấp HDQT, BKS	414.750.000	389.200.000
Thuế TNCN phải thu CBNV	397.059.712	284.513.658
Lãi dự thu	33.222.222	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	17.723.816	-
Phải thu khác	478.319.526	11.327.500
Cộng	<u>1.341.075.276</u>	<u>4.504.365.481</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.963.662	32.591.020
Công cụ, dụng cụ	1.678.467.313	1.192.938.244
Cộng	<u>1.694.430.975</u>	<u>1.225.529.264</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	-	156.467.527

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	575.807.275	925.984.428

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	788.581.899.915	627.817.629.421	7.693.424.757	1.045.374.892	1.425.138.328.985
Tăng trong năm	2.563.487.420			30.200.000	2.593.687.420
<i>Mua sắm mới</i>				30.200.000	30.200.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	2.563.487.420				2.563.487.420
Giảm trong năm					
Số cuối năm	791.145.387.335	627.817.629.421	7.693.424.757	1.075.574.892	1.427.732.016.405
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		963.897.078	2.773.254.931	871.397.122	4.608.549.131
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	102.146.404.078	124.647.804.287	4.640.822.235	746.990.181	232.182.020.781
<i>Khấu hao trong năm</i>	27.846.709.884	41.902.329.595	883.678.028	177.820.102	70.810.537.609
Giảm trong năm					
Số cuối năm	129.993.113.962	166.550.133.882	5.524.500.263	924.810.283	302.992.558.390
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	686.435.495.837	503.169.825.134	3.052.602.522	298.384.711	1.192.956.308.204
Số cuối năm	661.152.273.373	461.267.495.539	2.168.924.494	150.764.609	1.124.739.458.015

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.415.606.753.289 VND và 1.120.048.052.509 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Tăng vốn góp công ty con	Số cuối năm
<i>Dự án Thủy Điện Xuân Mình</i>	7.836.870.710	745.480.061		- 8.582.350.771	-
<i>Công trình kho thiết bị nhà máy</i>	1.674.051.946	889.435.474	2.563.487.420	-	-
Cộng	9.510.922.656	1.634.915.535	2.563.487.420	8.582.350.771	-

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng ⁽ⁱ⁾		4.546.834.998		2.600.534.998
Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh ⁽ⁱⁱ⁾		9.721.333.071		-
Cộng		14.268.168.069		2.600.534.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801952893 ngày 02 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng 22.950.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 1.946.300.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.546.834.998 VND, tương đương 19,81% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.600.534.998 VND, tương đương 11,33% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng là 18.403.165.002 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 ngày 03 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh 76.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 9.721.333.071 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 9.721.333.071 VND, tương đương 12,71% vốn điều lệ (số đầu năm là 0 VND, tương đương 0% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh là 66.778.666.929 VND.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chênh lệch tỷ giá giai đoạn trước hoạt động	12.584.090.222	-	6.629.197.152	5.954.893.070
Chi phí thuê văn phòng	16.358.818.705	-	1.434.925.312	14.923.893.393
Chi phí Công cụ dụng cụ	702.472.021	1.846.639.474	2.308.432.964	240.678.531
Cộng	29.645.380.948	1.846.639.474	10.372.555.428	21.119.464.994

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	41.441.400.000	29.460.210.395
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình⁽ⁱ⁾</i>	-	9.141.705.774
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long</i>	32.984.400.000	20.318.504.621
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội</i>	8.457.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	1.300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18)	127.533.853.542	113.533.473.012
Cộng	170.275.253.542	142.993.683.407

- (i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số 173/2014HĐHMTD – PN/SHB110600 ngày 8/7/2014, theo hạn mức tín dụng 35 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn tối đa 5 tháng trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được tính theo thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể. Trả lãi ngày 05 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn. Gốc vay trả vào cuối kỳ hạn mỗi khế ước nhận nợ.
- (ii) Vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%, thời hạn vay 05 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

	Số đầu năm	Số tiền vay	Số kết chuyển	Số tiền vay đã	Số cuối năm
		phát sinh trong năm		trả trong năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.460.210.395	143.776.417.575	-	131.795.227.970	41.441.400.000
Vay ngắn hạn cá nhân	-	13.520.000.000	-	12.220.000.000	1.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	113.533.473.012	-	123.752.300.298	109.751.919.768	127.533.853.542
Cộng	142.993.683.407	157.296.417.575	123.752.300.298	253.767.147.738	170.275.253.542

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi cục di dân tỉnh Thanh Hóa	3.004.403.983	3.004.403.983
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 - PECCI	942.604.651	942.604.651
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Minh Hương	-	476.760.572
Công ty cổ phần Xây dựng số 5	89.988.420	-
Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu	83.655.000	83.655.000
Công ty Cổ phần giải trí Đường Chân Trời	143.027.500	-
Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	159.988.136	42.534.030
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	181.620.155	-
Nhà cung cấp khác	192.804.771	205.728.861
Cộng	4.798.092.616	4.755.687.097

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
		trong năm	trong năm	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.610.105.392	37.145.780.708	34.280.581.765	5.475.304.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.098.328.854	6.783.729.118	8.729.066.056	3.152.991.916
Thuế thu nhập cá nhân	1.150.071.914	2.378.371.318	2.718.146.988	810.296.244
Thuế tài nguyên	3.104.985.462	25.463.169.123	27.372.964.326	1.195.190.259
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.401.917.000	8.726.478.200	16.459.261.460	2.669.133.740
Cộng	22.365.408.622	80.497.528.467	89.560.020.595	13.302.916.494

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135.503.861.577	77.297.460.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	30.314.888	12.263.323
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>30.314.888</i>	<i>12.263.323</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	135.534.176.465	77.309.723.910
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>135.492.880.611</i>	<i>75.989.597.538</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>41.295.854</i>	<i>1.320.126.372</i>
Thu nhập tính thuế	135.534.176.465	77.309.723.910
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>29.817.518.822</i>	<i>19.327.430.978</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(16.259.145.673)</i>	<i>(11.398.439.631)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(6.774.644.031)</i>	<i>(7.598.959.754)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>6.783.729.118</u>	<u>330.031.593</u>

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.508,85VND/KWh x thuế suất x sản lượng bắt đầu từ ngày 1/2/2014.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	57.272.232
Bảo hiểm xã hội	2.650.566	25.639.569
Bảo hiểm y tế	40.734.388	23.431.702
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.303.754.700	2.282.330.700
Phải trả, phải nộp khác	4.818.698.817	5.357.245.787
Cộng	<u>8.165.838.471</u>	<u>7.745.919.990</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	317.765.271	2.155.088.000	11.500.000	2.472.853.271	11.500.000
Quỹ phúc lợi	315.125.994	923.609.000		702.949.577	535.785.417
Cộng	<u>632.891.265</u>	<u>3.078.697.000</u>	<u>11.500.000</u>	<u>3.175.802.848</u>	<u>547.285.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình ⁽¹⁾	34.528.741.099	88.083.187.855
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội ⁽²⁾	108.555.248.420	120.441.848.420
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽²⁾	82.637.004.808	91.685.604.808
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ⁽²⁾	55.091.336.531	61.123.736.531
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ⁽²⁾	55.091.336.531	61.123.736.531
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ⁽³⁾	148.791.410.323	183.487.361.262
Cộng	484.695.077.712	605.945.475.407

⁽¹⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06/2005/HĐTD ngày 24/7/2005, Hợp đồng điều chỉnh số 109/2010/HĐKT về việc thừa kế quyền và nghĩa vụ hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển giữa Quỹ hỗ trợ phát triển Hòa Bình nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex, hợp đồng điều chỉnh số 05/2009/HĐTD ĐTĐC ngày 4/3/2009. Theo đó, hạn mức khoản tín dụng là 430 tỷ VND, thời hạn cho vay là 12 năm, thời gian ân hạn trả nợ gốc là 54 tháng, lãi suất cho vay áp dụng cho các khoản giải ngân từ ngày 1/7/2008 là 8,4%/năm với mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư cho Dự án nhà máy thủy điện Cửa Đạt. Gốc và lãi thanh toán 1 tháng/lần.

⁽²⁾ Khoản vay với các ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa, được ký chung một hợp đồng tín dụng số 205.02/2005 ngày 1/8/2005 với Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex). Theo đó, hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 547 tỷ VND, thời hạn cho vay là 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng cho nhà máy Thủy điện Cửa Đạt. Lãi suất áp dụng được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bình quân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của các ngân hàng tham chiếu (các ngân hàng tham gia cho vay) + tỷ lệ 3%/năm. Thời hạn ân hạn thanh toán nợ gốc là 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong thời hạn này lãi phát sinh sẽ nhập gốc. Kỳ hạn thanh toán nợ gốc theo PL 05 ngày 31/3/2011 là 3 tháng/lần.
Các khoản vay của 5 chi nhánh ngân hàng trên được đảm bảo toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

⁽³⁾ Khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty Vinaconex) với Ngân hàng BNP Paribas. Theo đó, Tổng Công ty Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo các hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex ký hợp đồng vay lại của Tổng Công ty Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ cùng ngày là LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống ^(*)	127.533.853.542	113.533.473.012
Trên 1 năm đến 5 năm	418.720.151.422	413.273.079.902
Trên 5 năm	65.974.926.290	192.672.395.505
Tổng nợ	612.228.931.254	719.478.948.419

^(*) Các khoản vay có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống được trình bày ở phần nợ ngắn hạn.**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay**

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	605.945.475.407
Số tiền vay phát sinh	-
Tăng do CLTG đánh giá lại	2.610.680.979
Số tiền vay đã trả	(108.778.376)
Số kết chuyển	(123.752.300.298)
Số cuối năm	484.695.077.712

19. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	380.000.000.000	27.516.261.165	11.447.047.769	82.749.495.515	501.712.804.449
Lợi nhuận trong năm nay				128.720.132.459	128.720.132.459
Trích lập các quỹ trong năm nay		1.251.931.994		(4.330.628.994)	(3.078.697.000)
Chia cổ tức năm nay				(72.200.000.000)	(72.200.000.000)
Thủ lao HDQT				(436.800.000)	(436.800.000)
Số dư cuối năm nay	380.000.000.000	28.768.193.159	11.447.047.769	134.502.198.980	554.717.439.908

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	72.200.000.000	72.200.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	354.417.797.399	295.363.138.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ	671.663.280	1.417.711.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>355.089.460.679</u>	<u>296.780.849.864</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	131.664.356.125	122.127.638.122
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	633.874.026	369.227.335
Cộng	<u>132.298.230.151</u>	<u>122.496.865.457</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	647.805.554	1.680.418.353
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.309.707	67.969.311
Cộng	<u>686.115.261</u>	<u>1.748.387.664</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	59.084.535.925	72.571.734.866
Lãi vay hỗ trợ lãi suất	(4.819.883.000)	(3.819.324.323)
Chênh lệch tỷ giá phân bổ	6.629.197.152	6.629.197.152
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.611.880.700	3.883.788.927
Cộng	<u>63.505.730.777</u>	<u>79.265.396.622</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	16.058.156.472	11.023.501.461
Chi phí vật liệu quản lý	37.599.771	66.773.458
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.641.051	150.035.785
Chi phí khấu hao TSCĐ	585.631.865	701.213.580
Thuế, phí và lệ phí	3.318.182	78.209.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.482.248.047	7.583.627.962
Chi phí bằng tiền khác	209.664.647	137.032.572
Cộng	<u>24.471.260.035</u>	<u>19.740.393.894</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý vật tư	-	140.567.270
Hoàn nhập chi phí bảo hành hạng mục công trình nhà trẻ Maple Bear	-	129.375.083
Phí chuyển nhượng cổ phần	2.800.000	-
Thu nhập khác	706.600	1.700.002
Cộng	<u>3.506.600</u>	<u>271.642.355</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.843.644	596.080.017
Chi phí nhân công	34.495.593.435	22.853.760.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.810.537.609	69.816.600.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.122.295.228	46.765.336.043
Chi phí khác	3.152.220.270	2.205.482.742
Cộng	<u>156.769.490.186</u>	<u>142.237.259.351</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Chuyển nợ phải thu thành vốn góp vào Công ty con	425.281.500
Góp vốn bằng chi phí đầu tư XD CB	8.582.351.571
Cộng	<u>9.007.633.071</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	1.533.142.857
Cộng	<u>1.533.142.857</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Công ty con

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam		
Lãi tiền vay phải trả	6.654.231.464	8.368.113.365
Mua hàng hóa		1.140.341.268
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng		
Góp vốn đầu tư	1.946.300.000	-
Bán hàng cung cấp dịch vụ	387.000.000	133.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		
Góp vốn đầu tư	9.721.333.071	-
Bán hàng cung cấp dịch vụ	29.000.000	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng		
Cung cấp dịch vụ	425.700.000	146.300.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		
Cung cấp dịch vụ	31.900.000	
Cộng nợ phải thu	457.600.000	146.300.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam		
Phải trả gốc tiền vay	185.989.263.865	220.184.843.275
Phải trả lãi vay	1.443.256.285	1.714.262.158
Cộng nợ phải trả	187.432.520.150	221.899.105.433

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là bán điện năng và trong một khu vực địa lý là trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Các sai sót

Theo quyết định số 41945/QĐ – CT – TTr4 ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Cơ quan thuế về việc điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định và thu nhập khác từ các năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		Các điều chỉnh		
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình	221	1.176.816.312.866	16.139.995.338	1.192.956.308.204
Nguyên giá		1.405.954.464.045	19.183.864.940	1.425.138.328.985
Giá trị hao mòn lũy kế		(229.138.151.179)	(3.043.869.602)	(232.182.020.781)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	17.312.778.506	5.052.630.116	22.365.408.622
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	76.967.428.994	5.782.066.521	82.749.495.515

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty mua bán điện với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 99% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 99%). Các khách hàng khác có số dư dưới 1% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	170.275.253.542	418.720.151.422	65.974.926.290	654.970.331.254
Phải trả người bán	4.798.092.616	-	-	4.798.092.616
Các khoản phải trả khác	10.292.600.177	-	-	10.292.600.177
Cộng	185.365.946.335	418.720.151.422	65.974.926.290	670.061.024.047
Số đầu năm				
Vay và nợ	142.993.683.407	413.273.079.902	192.672.395.505	748.939.158.814
Phải trả người bán	4.755.687.097	-	-	4.755.687.097
Các khoản phải trả khác	10.688.069.819	-	-	10.688.069.819
Cộng	158.437.440.323	413.273.079.902	192.672.395.505	764.382.915.730

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu máy móc phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	44,20	113,85
Vay và nợ	(8.703.269,92)	10.442.723,94
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(8.703.225,72)	(10.442.610,09)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.534.597.545 VND (năm trước giảm/tăng 3.302.736.506 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	(561.805.590.155)	(409.433.638.078)
(Nợ phải trả) thuần	(561.805.590.155)	(409.433.638.078)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 10.674.306.213 VND (năm trước giảm/tăng 6.583.407.727 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.094.069.125		6.300.716.311		30.094.069.125	6.300.716.311
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-		2.000.000.000		-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	55.835.627.434		42.527.817.526		55.835.627.434	42.527.817.526
Các khoản phải thu khác	944.015.564		4.504.365.481		944.015.564	4.504.365.481
Cộng	86.873.712.123		55.332.899.318		86.873.712.123	55.332.899.318

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	654.970.331.254	748.939.158.814	654.970.331.254	748.939.158.814
Phải trả người bán	4.798.092.616	4.755.687.097	4.798.092.616	4.755.687.097
Các khoản phải trả khác	10.292.600.177	10.688.069.819	10.292.600.177	10.688.069.819
Cộng	670.061.024.047	764.382.915.730	670.061.024.047	764.382.915.730

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng



Phạm Bảo Long

Giám đốc



Vương Hoàng Minh